TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS-PT
Ngày 24-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Ông Dương Tuấn R.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 824/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Trương Quốc V. Do có kháng cáo của bị cáo Trương Quốc V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 468/2022/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trương Quốc V, giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1978 tại Quảng Nam; 107/5 đường Đ1, phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Trương C; con bà: Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. *(Có mặt)*

- Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án: Luật sư LS – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

(Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các năm 2010, 2013, Trương Quốc V đăng ký và được cấp Giấy phép thành lập các doanh nghiệp với tên Công ty TNHH tư vấn giáo dục du lịch L (viết tắt là Công ty L), địa chỉ số 107/5 đường Đ1, phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh do Trương Quốc V làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng, thành viên góp vốn gồm có V và em ruột tên Trương Quốc H; Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Xây dựng Xuất Nhập khẩu A (viết tắt là Công ty A), địa chỉ số 01-03 Đường Đ2, Phường 11, Quận Q2, Thành phố Hồ Chí Minh do Trương Quốc H làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng, thành viên góp vốn gồm có V, H và bà Nguyễn Thị X; sau khi có giấy phép thành lập cả hai công ty này đều không hoạt động theo giấy phép mà bỏ địa chỉ kinh doanh.

Mặc dù chưa xin giấy phép hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn du học; hướng dẫn thủ tục hồ sơ xuất cảnh; dịch vụ lữ hành du lịch, du học, lao động ở nước ngoài... và bản thân cũng không có khả năng nhưng từ năm 2011 đến năm 2013, thông qua mạng xã hội và từ những người quen, Trương Quốc V đã gặp nhiều cá nhân, tự giới thiệu mình là giám đốc Công ty L, chuyên làm thủ tục xuất cảnh sang Hàn Quốc để đi du học, du lịch, lao động... Sau đó, tùy theo hình thức, mục đích xuất cảnh, điều kiện hoàn cảnh gia đình, V đưa ra các mức phí dịch vụ khác nhau và yêu cầu các cá nhân này đưa tiền ứng trước (bằng đồng Đô la Mỹ (USD) hoặc tiền Việt Nam) để chi phí làm thủ tục xuất cảnh. Để tạo niềm tin, V đã lập hợp đồng dịch vụ giữa Công ty L với các cá nhân, nội dung hợp đồng lập sẵn thể hiện cam kết: Tư vấn, hướng dẫn, làm các thủ tục hồ sơ xuất cảnh sang Hàn Quốc theo yêu cầu của người đi, số tiền dịch vụ, tiền tạm ứng, thời hạn hoàn tất thủ tục xuất cảnh, trách nhiệm của Công ty L là tiến hành nhanh chóng các thủ tục cho bên B sau khi nhận cọc, đảm bảo đúng thời gian hợp đồng, cam kết thực hiện đúng các thủ tục, đảm bảo hoàn tất như trong hợp đồng, trừ trường hợp trục trặc giấy tờ mà do Nhà nước không cho phép thì sẽ hoàn trả lại đủ tiền cho khách hàng không quá 30 ngày... Đồng thời, V lập phiếu thu, ký tên giám đốc, đóng dấu treo Công ty L, nhận tiền, cam kết thời hạn xuất cảnh, đưa bị hại đi học tiếng Hàn Quốc. Cụ thể, V đã lập hợp đồng dịch vụ và nhận tiền của các cá nhân như sau:

1. Cuối năm 2010, thông qua bà Nguyễn Thị X giới thiệu, ông Lê Công P đã gặp V để được hướng dẫn xin visa đi lao động ở Hàn Quốc. Lúc đầu, V ký hợp đồng với ông P với tư cách là giám đốc Công ty L để đi du lịch. Chi phí V

đưa ra là 13.000 USD và ngày 08/6/2011, V đã nhận số tiền 6.500 USD. Sau đó, V đưa cho ông P 3.000.000 đồng để tự đi đóng học phí tiếng Hàn Quốc ở Quận 8. Đến tháng 9/2011, ông P tiếp tục chuyển cho V 50.000.000 đồng. Hợp đồng, biên lai nhận tiền này với ông P sau đó V đổi sang thành hợp đồng dịch vụ ký với ông P ngày 20/6/2012 với tư cách là Giám đốc Công ty A với nội dung để đi du học (V nói với ông P Công ty L đã giải thể) thể hiện việc V đã nhận của ông P 9.000 USD. Do không được đi lao động ở Hàn Quốc, sau nhiều lần tìm gặp, ông P đòi thì V chỉ trả lại được 15.000.000 đồng và bỏ trốn. Ngày 06/02/2020, ông P đã làm đơn tố cáo.

2. Ngày 17/02/2011, V nhận của ông Đoàn Minh S và vợ là Huỳnh Q V số tiền 4.000 USD để làm thủ tục xin visa đi lao động ở Hàn Quốc cho vợ chồng ông S. V đưa vợ chồng ông S đi học tiếng Hàn Quốc để thị chứng chỉ. Sau đó, do không làm được visa đi Hàn Quốc, V yêu cầu đưa thêm 10.000.000 đồng để làm hồ sơ đi lao động Nhật Bản, nhưng hồ sơ không được nhận. Ông S nhiều lần đòi thì V trả được 10.000.000 đồng. Biết mình bị lừa nên ngày 11/02/2020, vợ chồng ông S đã làm đơn tố cáo V.

3. Tháng 10 năm 2011, V nhận tư vấn, hướng dẫn thủ tục xin visa đi lao động tại Hàn Quốc của ông Trần Thanh R, ông R đã tạm ứng, đưa trực tiếp số tiền 22.000.000 đồng cho V. Để tạo niềm tin, V cho ông R đi học tiếng Hàn Quốc. Sau đó, ông R gọi điện thoại hỏi thì V nại ra lý do chưa có đợt đưa lao động Việt Nam đi Hàn Quốc rồi V đổi số điện thoại, chuyển thuê nhà nơi khác để ông R không biết ở đâu để đòi lại số tiền này nên ông R làm đơn tố cáo.

4. Tháng 02/2012, ông Lê Quang D muốn làm thủ tục xin visa cho con gái tên Lê Nguyễn Trúc C1 đi Hàn Quốc du học. Vào các ngày 24/02/2012, 12/3/2012, vợ chồng ông D đã nộp cho V tổng cộng 62.400.000 đồng. Đến hẹn ông D không liên lạc được với V nên biết mình bị lừa. Ngày 12/02/2020, ông D đã làm đơn tố cáo V.

5. Cuối năm 2012, thông qua người quen, bà Trần Thị Q muốn làm hồ sơ xin visa cho con trai là Tiêu Hải C5 đi du học ở Hàn Quốc. Ngày 06/12/2012, V nhận từ bà Q 1.000 USD, ngày 30/12/2012 là 5.000 USD. Đến tháng 8/2013, V gọi điện cho bà Q thông báo đã có visa du học và ngày bay đi Hàn Quốc, V yêu cầu bà Q nộp thêm 38.000.000 đồng. Tổng cộng V đã nhận của bà Q số tiền 6.000 USD và 38.000.000 đồng nhưng không tư vấn, hướng dẫn, làm thủ tục gì cho con bà Thuý và cắt liên lạc. Ngày 12/02/2020 bà Thuý đã làm đơn tố cáo.

6. Tháng 8/2013, bà Nguyễn Thị N1 muốn làm dịch vụ xin visa cho 02 người con là Trần Văn C2, Tạ Thị C3 đi lao động tại Hàn Quốc, V tự đưa ra giá tiền phí là 200.000.000 đồng, ứng trước một nửa. Ngày 22/8/2013, chị Trần Thị C4 (con gái bà N1) đã đến nơi ở của V, đưa số tiền 4.500 USD (tương đương

100.000.000 đồng) và các giấy tờ cho hồ sơ liên quan. Sau đó, do không liên lạc được với V để đòi tiền, nhận thấy bị V lừa, bà N1 đã làm đơn tố cáo.

7. Năm 2013, bà Nguyễn Thị Y muốn làm hồ sơ visa đi lao động ở Hàn Quốc cho con trai là Trương Út C6. V tự đưa ra giá tiền phí là 5.000 USD và ngày 25/9/2013, V đã nhận từ bà Y một nửa số tiền là 2.500 USD. Sau đó, bị bà Y đòi, V trả cho cho bà Y 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.500 USD V chưa trả nên ngày 11/12/2019, bà Y làm đơn tố cáo.

Sau khi nhận được tiền của các cá nhân nêu trên, Trương Quốc V đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân, không tư vấn, hướng dẫn và làm thủ tục xin visa xuất cảnh cho các bị hại như đã cam kết. Đến thời hạn, các bị hại hỏi về thủ tục hồ sơ, kết quả xin visa xuất cảnh thì V đòi thêm tiền bổ sung hồ sơ, nại ra các lý do chậm trễ, có trường hợp do bị hại dọa tố giác thì V trả lại một phần tiền rồi bỏ đi khỏi nơi ở, lẩn tránh, cắt đứt liên lạc với những người đã ký hợp đồng. Do đó, lần lượt các ngày 10, 11/12/2019; 05, 06, 10, 11, 12/02/2020, các bị hại đã làm đơn tố cáo Trương Quốc V về hành vi *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*. Đồng thời, một số bị hại là ông Lê Quang D, Lê Công P, vợ chồng ông Đoàn Minh S và bà Nguyễn Thị N1 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công An hợp đồng dịch vụ, phiếu thu tiền, các tài liệu, giấy tờ liên quan, những bị hại còn lại đã làm thất lạc.

Xét thấy có dấu hiệu tội phạm, ngày 25/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo Điều 174 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2015 để điều tra. Ngày 05/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra Quyết định chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Trương Quốc V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên đồng thời thừa nhận Công ty L và Công ty A từ khi thành lập không hoạt động, không thành viên nào góp vốn điều lệ, không có chức năng tư vấn, hướng dẫn làm thủ tục đưa người đi lao động, du học, du lịch ở Hàn Quốc; bản thân làm nghề lái xe chở khách du lịch thuê, không có khả năng làm hồ sơ, thủ tục xin visa đưa người xuất cảnh sang Hàn Quốc nhưng lợi dụng việc những người có nhu cầu đi Hàn Quốc không hiểu biết về pháp luật, về thủ tục, điều kiện được xin cấp visa nên nại ra các lý do không có thực để họ tin tưởng giao tiền. Sau khi nhận tiền của các bị hại, V sử dụng tiền để trả nợ, chi tiêu cá nhân, không tư vấn, hướng dẫn và không thực hiện hoạt động nào ngoại trừ việc giới thiệu vợ chồng ông Đoàn Minh S, ông Lê Công P và ông Trần Thanh R đi học tiếng Hàn Quốc ở cơ sở tư nhân và đưa vợ chồng ông S đi nộp hồ sơ tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Tây Ninh.

Quá trình làm hợp đồng dịch vụ, lập phiếu thu tiền khi các bị hại đến nộp, một vài lần V giao cho nhân viên tên Thư (không xác định lai lịch) và Trương Quốc H viết, ký vào phần "Người lập phiếu" trong phiếu thu, trong đó có hợp đồng với ông Lê Quang D. Thư là người V tuyển dụng để hưởng lương, không biết hành vi *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* của V. Do Công ty L không còn hoạt động, các tài liệu thất lạc nên V không thể cung cấp thông tin về Thư. Việc V sử dụng danh nghĩa Công ty A để tiếp tục ký Hợp đồng dịch vụ với bị hại Lê Công P khi Công ty L không còn hoạt động nhằm tiếp tục che giấu việc ông P phát hiện.

Trương Quốc H khai nhận: Công ty L là do Trương Quốc V làm giám đốc, điều hành mọi hoạt động. H có nhiệm vụ nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa, đưa đón con của V đi học và chở V đến các nơi theo yêu cầu với mức lương V hứa trả 4.000.000 đồng/tháng. H có viết phiếu thu tiền giúp V khoảng 01 đến 02 lần nhưng xác định các chữ ký trên Phiếu thu mà Cơ quan điều tra thu giữ không phải là của H. Đối với Công ty A, H được V nhờ đứng tên làm giám đốc và là người đại diện nhưng thực tế H không đóng góp tiền, không biết gì về ngành nghề kinh doanh, không hưởng lương hay phụ cấp từ công ty này mà tất cả do V điều hành và quyết định.

Bà Nguyễn Thị X khai nhận có việc giới thiệu ông Lê Công P cho Trương Quốc V để làm hồ sơ xin visa xuất cảnh sang Hàn Quốc. Tuy nhiên bà X không nhận 50.000.000 đồng từ ông P để đưa cho V, không làm việc hoặc tham gia điều hành các Công ty L, Công ty A, không hưởng lợi ích vật chất gì từ V và các công ty này.

*Ngoài ra, quá trình điều tra, Trương Quốc V còn khai nhận đã ký hợp đồng làm hồ sơ xin visa đi Hàn Quốc và vay mượn tiền của một số các nhân khác như: năm 2012 đã nhận 20.000.000 đồng để làm visa đi Hàn Quốc cho ông Bùi Xuân Thẩm (trú tại huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu). Sau đó, V trả lại cho ông Thẩm số tiền này. Năm 2013, V vay số tiền 3.000.000 đồng của bà Bùi Thị Nghiệp (trú tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh). CQĐT đã ra thông báo tìm ông Bùi Xuân Thẩm, bà Bùi Thị Nghiệp nhưng đến nay không có ai đến trình báo và không có thông tin liên quan.

Năm 2013, V nhận số tiền 40.000.000 đồng của bà Trương Thị Tiến (huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh) để lo thủ tục visa đi Hàn Quốc, V đã tiêu xài cá nhân hết. Qua xác minh tại Công an xã Thạnh Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh và Cục A08 Bộ Công an được biết, bà Trương Thị Tiến đã xuất cảnh sang Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về Việt Nam. Bà Nguyễn Thị Xạ (là mẹ ruột của Trương Thị Tiến) không biết việc thoả thuận làm hồ sơ xin visa đi lao động

tại Hàn Quốc giữa V và chị Tiến như thế nào. Bà Xạ đã nhận 45.000.000 đồng thay cho Tiến do V trả và không có yêu cầu xử lý hình sự V.

*Bản kết luận giám định số 2309/C09B, ngày 21/5/2020 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chữ ký đứng tên Trương Quốc V trên các tài liệu cần giám định (10 tài liệu đã thu giữ của các bị hại gồm: hợp đồng, phiếu thu tiền, giấy biên nhận) so với chữ ký đứng tên Trương Quốc V trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Bản kết luận giám định số 2679/KLGĐ-TT ngày 22/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký dưới mục "Người lập phiếu" trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Trương Quốc H trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

* Kết quả xác minh tại:

Cục Quản lý lao động nước ngoài thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Công ty L không có chức năng kinh doanh về lĩnh vực dịch vụ tư vấn, hướng dẫn các thủ tục hồ sơ xuất cảnh đi nước ngoài chưa được cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, không có đăng ký hợp đồng đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề tại Hàn Quốc; từ năm 2008 đến năm 2015, không tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Công ty L.

Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Công ty L, A không nộp thuế, đã bỏ trốn theo Thông báo số 9981/TB-BKD-KTT4 ngày 29/10/2012 của Chi cục thuế Quận Q1 và Thông báo số 357/TB-BKD-CCT- KT2 ngày 13/9/2013 của Chi cục thuế Quận Q2 Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Lãnh sự quán Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin: thời gian trước đây, Tổng lãnh sự quán không khai thác thông tin công ty dịch vụ, người hỗ trợ trong việc xin visa và hồ sơ xin Visa được lưu giữ trong 03 năm và sẽ hủy bỏ hồ sơ trước đó.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Tây Ninh xác định đơn vị này không tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đi xuất khẩu lao động cho ông Đoàn Minh S và bà Huỳnh Thuý V.

*Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh xác định tỷ giá quy đổi từ đồng Đô la Mỹ sang Việt Nam đồng như sau:

Ngày 17/02/2011: 1 USD = 20.683 VNĐ; ngày 08/6/2011: 1 USD = 20.623 VNĐ; ngày 06/12/2012: 1 USD = 20.828 VNĐ; ngày 30/12/2012: 1 USD =

20.828 VNĐ; ngày 22/8/2013: 1 USD = 21.036 VNĐ; ngày 25/9/2013: 1 USD = 21.036 VNĐ.

*Về bồi thường dân sự:

Sau khi bị các bị hại đòi, làm đơn tố cáo, Trương Quốc V đã trả lại tiền cho các bị hại, trong đó 06 bị hại gồm ông Lê Công P, vợ chồng ông Đoàn Minh S, ông Trần Thanh R, ông Lê Quang D, bà Trần Thị Q và bà Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Y đã làm đơn rút đơn tố cáo đối với Trương Quốc V.

Tai phiên tòa ngày 25/4/2022 Hội đồng xét xử đã hoàn hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra làm rõ số tiền bị cáo đã bồi thường cho các bị hại Lê Công P, Nguyễn Thị Y. Kết quả tại Công văn ngày 05/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bị cáo V đã bồi thường đủ cho ông Lê Công P và ông P đã làm đơn bãi nại cho bị cáo. Ngoài ra, ngày 18/5/2022 điều tra viên Nguyễn Văn Hiền đã lập biên bản làm việc, theo đó xác định bị cáo V cũng đã bồi thường đủ cho trường hợp bà Nguyễn Thị Y.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 468/2022/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Quốc V: 09 (Chín) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 27/9/2022, bị cáo Trương Quốc V có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định quá trình điều tra đã tự nguyện khai báo, không bị bức cung, nhục hình và đã từ chối Luật sư bào chữa tại giai đoạn sơ thẩm như trong hồ sơ thể hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đồng ý để Luật sư do Tòa án chỉ định bào chữa cho bị cáo. Bị cáo xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo cho rằng đã hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt từ các bị hại, các bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo, ngoài ra bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình nên xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về bản chất Công ty của bị cáo là công ty tư

vấn du học nên gây ngộ nhận cho người dân về việc bị cáo có chức năng làm visa và tư vấn lao động nước ngoài, từ đó dẫn đến việc ký kết các thỏa thuận và giao tiền cho bị cáo. Sau thời gian dài từ ngày xảy ra sự việc thì các bị hại mới tố cáo và đến khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục xong toàn bộ hậu quả. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên xin chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ. Về tố tụng: cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về tố tụng. Với các chứng cứ đã thu thập đã đủ cơ sở để khẳng định: quá trình điều tra bị cáo đã thừa nhận việc lập các công ty và nhận làm dịch vụ tư vấn, hướng dẫn lập thủ tục visa đi Hàn Quốc nhưng các công ty đó không có chức năng này; bị cáo đã đưa thông tin gian dối để lập các hợp đồng dịch vụ với các bị hại nhưng sau khi nhận tiền của bị hại thì không thực hiện đúng theo thỏa thuận, cắt liên lạc với bị hại và đổi chổ ở, chiếm đoạt tiền nhận làm dịch vụ để tiêu xài cá nhân. Với tổng số tiền chiếm đoạt là 661.401.500 đồng của 07 bị hại, việc truy tố và xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã hối lỗi, xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, đảm bảo tính khách quan, đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập hợp pháp, đối chiếu lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, có cơ sở để xác định:

Bị cáo thừa nhận đã lập các công ty và nhận làm dịch vụ tư vấn, hướng dẫn lập thủ tục visa đi Hàn Quốc nhưng thực tế các công ty trên không có chức năng này. Lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, bị cáo đã đưa thông tin gian dối để lập các hợp đồng dịch vụ với các bị hại nhưng sau khi nhận tiền của bị hại thì không thực hiện theo đúng thỏa thuận mà bị cáo đã cắt liên lạc với bị hại, đổi chổ ở và chiếm đoạt tiền nhận làm dịch vụ để tiêu xài cá nhân. Lời thừa nhận này phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và người tham gia tố tụng khác trong vụ án. Với tổng số tiền chiếm đoạt là 661.401.500 đồng của 07 bị hại, việc truy tố và xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, không oan sai. Hành vi của bị cáo là cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt đặc biệt lớn. Án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Như phân tích trên, án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định của pháp luật và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, hình phạt đã tuyên có phần nghiêm khắc. Xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị hại đã được bồi thường đầy đủ và có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận giảm một phần hình phạt đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Quốc V, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Quốc V **08 (tám)** năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (2);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Người tham gia tố tụng (2);
- Lưu VP(3), HS(2). 16b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Thành viên Hội đồng xét xử | **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Thu Thủy **Dương Tuấn R** **Nguyễn Thị Thụy Vũ**